

Bản án số: 72/2018/HS-ST
Ngày 23-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 và số: 455/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Minh T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TK 2, pH1 AD, quận DK, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H và bà Vũ Thị B; có vợ là Lạc Thị V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; đầu thú ngày 14/11/2017, bị tạm giữ ngày 15/11/2017, chuyển sang tạm giam từ ngày 21/11/2017. Có mặt.

- Các bị hại:

+ Anh Trần N T1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Căn hộ 6, tầng 5, CCCT, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần T, sinh năm 1939; nơi cư trú: Số 218 MQ, PH 3, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1974, nơi cư trú: Số 218 MQ, PH 3, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Ông Trần T và chị Trần Thị Thu H1 đều ủy quyền cho anh Trần N T1.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh T:* Ông Trịnh Văn N – Luật sư của Công ty luật Trịnh Khắc Triệu thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Bùi Thị Thanh H2. Vắng mặt.

+ Anh Trần Minh Q. Có mặt.

+ Anh Vũ Thành H3. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2017, do không có tiền chi tiêu và trả nợ, Đỗ Minh T nảy sinh ý định phạm tội. T tìm hiểu được biết anh Trần N T1, sinh năm 1976, đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 6, tầng 5, CCCT, phường 12, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh là người từng sinh sống tại quận DK, thành phố Hải Phòng, có điều kiện kinh tế khá giả. Anh T1 có mẹ đẻ là bà Ngô Thị Khánh N đã chết, được gia đình xây lăng mộ an táng tại nghĩa trang Phấn Dũng, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng. T đã vài lần ra khu mộ của bà N khảo sát và quyết định đào mộ lấy tro cốt rồi yêu cầu anh T1 chuộc lại.

Chiều tối ngày 07/11/2017, T đến cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng của ông Cao Xuân Thủy, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 173 đường Ngô Gia Tự, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng mua xẻng, xà beng, búa, găng tay mang về giấu sẵn ở sau mộ bà N.

Khoảng 19 giờ ngày 08/11/2017, T đi xe máy một mình từ nhà ra phần mộ của bà N lấy các dụng cụ chuẩn bị sẵn ngày hôm trước sử dụng để đào phá, lấy tro cốt trong mộ. T dùng xà beng chọc mạnh làm bung các mạch keo liên kết giữa các khối đá tròn và khối đá vuông trên nắp mộ, dùng tay vờn đặt các khối đá ở xung quanh mặt mộ rồi dùng xẻng đào, xúc hết đất trong lỗ huyệt mộ đổ ra bên ngoài. T dùng xà beng chọc mạnh làm vỡ nắp chiếc quách đá trong huyệt mộ rồi nhặt 03 chiếc túi nilon ở khu vực xung quanh mộ cầm chui xuống lỗ huyệt, dùng tay vét sạch xương, tro cốt trong chiếc quách cho vào các túi nilon rồi chui lên cho các túi nilon này vào chiếc ba lô mang theo từ nhà. T đeo ba lô, đi xe máy cầm theo các dụng cụ ra khỏi nghĩa trang đến khu vực giữa Cầu Rào 1 thì T vứt xẻng, xà beng, búa, găng tay xuống sông (Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được). Sau đó, T đi về nhà cất giấu chiếc ba lô đựng tro cốt bà N lên mặt bể lọc nước trên nóc nhà vệ sinh, rồi đặt 1 miếng tôn nhỏ đè lên trên.

Ngày 09/11/2017, T dùng chiếc điện thoại Nokia vỏ màu xanh, lắp sim điện thoại số 0936821276 gọi điện, nhắn tin vào số điện thoại 0904078686 của anh Trần N T1 để thông báo việc mình đã đào, lấy tro cốt trong mộ của bà N và yêu

cầu anh T1 phải đưa cho 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) để chuộc lại, nếu trong hạn 5 ngày, anh T1 không thực hiện yêu cầu trên thì T sẽ tiêu huỷ tro cốt. Khoảng hơn 18 giờ ngày 09/11/2017, T đã tháo vút chiếc sim điện thoại số 0936821276 tại địa bàn huyện AD, Hải Phòng, mục đích tránh để cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ. Sau khi anh T1 kiểm tra xác nhận đúng sự việc khu mộ bà N bị đào phá và lấy mất tro cốt, anh T1 hoang mang, lo lắng buộc phải huy động tiền của công ty và vay mượn của bạn bè để chuộc lại tro cốt của mẹ, nhưng chưa chuyển được tiền do T đã tắt điện thoại, tháo vút thẻ sim.

Sau khi xảy ra vụ việc, chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1974, trú quán: Số 218, MQ, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng (con gái bà N) gửi đơn trình báo; tổ trưởng tổ dân phố Phấn Dững 1 và Ủy ban nhân dân phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng đã gửi báo cáo, đề nghị Cơ quan điều tra khẩn trương điều tra, xác minh làm rõ vụ việc xử lý theo quy định của pháp luật nhằm ổn định tình hình an ninh trật tự do vụ việc đã gây dư luận xấu trong nhân dân về tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm trạng lo lắng cho người thân trong gia đình bà Ngô Thị Khánh N.

Ngày 09/11/2017, Cơ quan điều tra đã tổ chức khám nghiệm hiện trường tại khu mộ của bà Ngô Thị Khánh N xác định: Toàn bộ phần nắp mộ bằng các khối đá đã bị xê dịch khỏi vị trí ban đầu, nằm ngổn ngang xung quanh mặt mộ, trong đó có khối đá bị vỡ đôi. Phát hiện các mảnh vỡ của nắp chiếc quách đựng tro cốt tại mặt mộ. Phần đất chôn trong lỗ huyệt bị đào xới, xúc đổ thành 1 đống bên cạnh. Qua lỗ huyệt không phát hiện thấy xương, tro cốt của bà Ngô Thị Khánh N.

Ngày 14/11/2017, Đỗ Minh T đến cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, giao nộp 02 điện thoại di động, 01 thẻ đựng sim (đã bị tháo mất sim) trên mặt thẻ đựng sim có ghi dòng số “0936821276” bằng mực bút dạ. Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Minh T tại TK 2, phường AD, quận DK, Hải Phòng phát hiện thu giữ tại mặt bể nước trên nóc nhà vệ sinh 01 ba lô vải màu đen, đáy màu xanh bên trong có 03 túi nilon đựng các mảnh xương và tro cốt; 01 mảnh tôn kích thước 18 cm x 15,5 cm đặt trên chiếc ba lô.

Cơ quan điều tra lấy 01 mảnh xương kích thước 9 cm x 9,5 cm từ số xương, tro cốt trong chiếc ba lô thu tại nhà T gửi giám định AND. Tại bản Kết luận giám định số 5758A/C54 (TT3) ngày 28/11/2017, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: người có mảnh xương Cơ quan điều tra thu giữ gửi giám định là mẹ đẻ của anh Trần N T1 với xác suất 99,999%.

Ngày 15/11/2017, Cơ quan điều tra tổ chức thực nghiệm điều tra, cho Đỗ Minh T tự thực hiện lại các động tác cạy phá, đào bới, lấy tro cốt trong mộ của bà Ngô Thị Khánh N. Kết quả, T thực hiện các động tác phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu điều tra khác.

Tại Bản Kết luận định giá số 04 ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận DK kết luận: Chi phí khắc phục phần thiệt hại về

mặt vật chất (không tính chi phí thiệt hại về mặt tinh thần và các yếu tố khác) của phần mộ bị xâm phạm được trưng cầu là 67.000.000 đồng.

Kết quả thu giữ thư tín, điện tín đối với số thuê bao 0936821276 tại Tổng công ty viễn thông di động Mobifone xác định: Ngày 09/11/2017 số thuê bao 0936821276 đã thực hiện các cuộc gọi và nhắn tin đi, đến số thuê bao 0904078686 của anh Trần N T1 vào thời gian và địa điểm phù hợp lời khai của T và anh T1; thẻ đựng sim của mạng Mobifone có số sê-ri: 8401170524181604 thu giữ của T có số điện thoại 0936821276.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Đỗ Minh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Xâm phạm mồ mả, hài cốt” theo khoản 2 Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Minh T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, các bị hại anh Trần N T1, ông Trần T và chị Trần Thị Thu H1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, các bị hại đều có ý kiến: Giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan điều tra, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và không có ý kiến gì về hình phạt đối với bị cáo Đỗ Minh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Minh T như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với điểm d khoản 2 Điều 319 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 55 và **Điều 38** Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Đỗ Minh T: Từ 10 đến 11 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (chưa đạt) và từ 18 đến 24 tháng tù về tội “Xâm phạm mồ mả, hài cốt”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là từ 11 năm 06 tháng tù đến 13 năm tù.

Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Minh T:

Không tranh luận về tội danh, tình tiết định khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát truy tố và kết luận. Tuy nhiên, bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó

khăn, bố bị cáo bị tàng tạt, ốm đau, mẹ bị cáo có công với Cách mạng, bị cáo còn phải nuôi 5 con nhỏ. Bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại, khi chưa có ai phát hiện đã chủ động trình diện ra cơ quan Công an và phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 08/11/2017, tại nghĩa trang Phấn Dũng, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng. Đỗ Minh T đã dùng xà beng, xẻng đào phá lăng mộ và lấy tro cốt của bà Ngô Thị Khánh N. Sau khi lấy tro cốt của bà N, T đã gọi điện thoại cho anh Trần N T1 – là con trai của bà N yêu cầu anh T1 phải đưa cho T 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) để chuộc lại. Trong thời hạn 5 ngày, anh T1 không thực hiện yêu cầu T sẽ tiêu hủy tro cốt bà N. Chính vì, Đỗ Minh T có hành vi đào, phá mộ mả xâm phạm mộ mả, hài cốt của bà Ngô, gây hậu quả nghiêm trọng về tinh thần cho người thân và ảnh hưởng nghiêm trọng đối với đời sống tâm linh. Mặt khác, sau khi xâm phạm mộ mả, hài cốt T tiếp tục dùng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của bị hại bằng cách gọi điện cho anh T1 đe dọa sẽ hủy tro cốt của bà N, làm cho anh T1 hoang mang, lo sợ nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Do hành vi của Đỗ Minh T xảy ra trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2018), căn cứ vào Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội nên theo hướng có lợi cho bị cáo, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đỗ Minh T phạm hai tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Điều 170 BLHS năm 2015 và tội “Xâm phạm mộ mả, hài cốt” theo Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Điều 315 Bộ luật Hình sự năm 2015) như Viện kiểm sát truy tố, kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân, xâm phạm đến thuần phong mỹ tục, quyền nhân thân mà còn xâm phạm trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, đòi hỏi pháp luật phải xử lý nghiêm.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”: Bị cáo Đỗ Minh T đã có hành vi nhằm chiếm đoạt của bị hại anh Trần N T1 với số tiền 2.500.000.000 đồng nên bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Đối với tội “Xâm phạm mồ mả, hài cốt”: Hành vi của bị cáo Đỗ Minh T đã gây hậu quả nghiêm trọng: Không những gây thiệt hại về mặt vật chất của phần mộ bị xâm phạm đã được kết luận định giá 67.000.000 đồng, ngoài ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần làm cho các bị hại hoang mang, lo sợ nên bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về hình phạt:

[6] Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi chưa bị ai phát hiện hành vi phạm tội của mình bị cáo đã tự mình nhận tội, trình diện ra cơ quan Công an nên hành vi của bị cáo được coi là tự thú; bị cáo có mẹ đẻ là bà Vũ Thị B đã tham gia là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại **điểm r, s** khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Mặc dù, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, song căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định và xử bị cáo trong mức án cao của khung hình phạt đối với cả hai tội mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[8] Ngoài ra, đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo chưa chiếm đoạt được số tiền 2.500.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội chưa đạt” được quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng thêm Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015, để xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Do đó, chấp nhận một phần lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo nhưng không chấp nhận quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn hình phạt Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

[9] Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Minh T.

- Về bồi thường dân sự:

[10] Tại Cơ quan điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, các bị hại đều không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về vật chứng:

[11] Cơ quan điều tra thu giữ: 01 chiếc ba lô vải; 01 mảnh tôn và 01 thẻ đựng sim của bị cáo Đỗ Minh T không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của bị cáo Đỗ Minh T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí:

[12] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 246 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm d khoản 2 Điều 319 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 55 và **Điều 38** Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Đỗ Minh T: 13 (Mười ba)** năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (chưa đạt) và **03 (Ba)** năm tù về tội “Xâm phạm mồ mả, hài cốt”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là **16 (Mười sáu)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 14/11/2017.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (*Một*) ba lô vải; 01 (*Một*) mảnh tôn; 01 (*Một*) thẻ đựng sim.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Minh T: 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự thành phố Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Khoa

Nguyễn Thành Biên

Trần Thị Thu Hà

